

Số: 426 /QĐ-UBND

Lâm Đồng, ngày 17 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phân bổ chi tiết kinh phí phòng cháy, chữa cháy
rừng mùa khô năm 2021-2022 từ nguồn ngân sách tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 2099/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt đơn giá áp dụng trong công tác phòng cháy, chữa cháy rừng (PCCCR) mùa khô năm 2019-2020 và mùa khô các năm tiếp theo trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng và Quyết định số 2924/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 10/TTr-STC ngày 26/01/2022; ý kiến thống nhất của Tập thể Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh tại cuộc họp giao ban ngày 14/3/2022 (thông báo số 122/TB-VP ngày 14/3/2022).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ số tiền 8.965.000.000 đồng (Tám tỷ, chín trăm sáu mươi lăm triệu đồng) cho các cơ quan, Công ty TNHH MTV lâm nghiệp, đơn vị thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy rừng mùa khô 2021-2022 (Chi tiết kinh phí phân bổ cho từng cơ quan, đơn vị theo phụ lục đính kèm).

Nguồn kinh phí: từ dự toán kinh phí phòng cháy, chữa cháy rừng tại Quyết định số 2924/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 2.

1. Giao Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện và thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

b) Chịu trách nhiệm về tính chính xác, kết quả rà soát không trùng lặp với kinh phí đã phân bổ đặt hàng các công ty TNHH MTV Lâm nghiệp quản lý, bảo

vệ rừng, phòng cháy và chữa cháy rừng đối với diện tích rừng tự nhiên thuộc phần giao cho các công ty TNHH MTV lâm nghiệp quản lý; số liệu đề xuất phê duyệt, phân bổ kinh phí phòng cháy và chữa cháy rừng cho các cơ quan, công ty TNHH MTV lâm nghiệp, đơn vị quản lý rừng cấp tỉnh quản lý.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc phê duyệt dự toán và phân bổ kinh phí phòng cháy và chữa cháy rừng cho các cơ quan, đơn vị do huyện, thành phố quản lý (đã bố trí trong dự toán ngân sách cấp huyện năm 2022); đồng thời, chỉ đạo việc tổ chức triển khai thực hiện công tác phòng cháy và chữa cháy rừng; quản lý, thanh quyết toán kinh phí phòng cháy và chữa cháy rừng theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Lâm Đồng; Giám đốc Vườn Quốc gia Bidoup - Núi Bà; Giám đốc Vườn Quốc gia Cát Tiên; Chủ tịch Hội đồng thành viên/Giám đốc Công ty TNHH MTV lâm nghiệp: Đơn Dương, Di Linh, Bảo Thuận, Tam Hiệp, Bảo Lâm, Lộc Bắc, Đạ Huoai, Đạ Tẻh; Giám đốc Ban quản lý Khu du lịch Quốc gia hồ Tuyên Lâm; Trưởng Ban quản lý rừng phòng hộ Tà Nung; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành kể từ ngày ký./.neu

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP;
- Lưu: VT, TH₂.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm S



CHI TIẾT PHÂN BỐ KINH PHÍ PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY RỪNG MÙA KHÔ 2021-2022

(Đính kèm Quyết định số 4226/QĐ-UBND ngày 17/3/2022 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung công việc	Kinh phí phân bổ cho các cơ quan, đơn vị														Tổng
		Chi cục Kiểm lâm (cơ quan thường trực)	Vườn quốc gia Bidoup-Núi Bà	Ban Quản lý rừng phòng hộ Tà Nung	Ban Quản lý Khu du lịch hồ Tuyên L	Công ty TNHH MTVLN Đơn Dương	Công ty TNHH MTVLN Di Linh	Công ty TNHH MTVLN Bảo Thuận	Công ty TNHH MTVLN Tam Hiệp	Công ty TNHH MTVLN Bảo Lâm	Công ty TNHH MTVLN Lộc Bắc	Công ty TNHH MTVLN Đa Huoai	Công ty TNHH MTVLN Đa Têh	Hạt Kiểm lâm VQG Cát Tiên		
1	Chi tổ chức Hội nghị (trang trí hội trường, hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu không hưởng không hưởng lương)	3.000.000	8.600.000	4.900.000	3.500.000	13.800.000	12.000.000	8.600.000	7.500.000	5.700.000	6.700.000		30.800.000		105.000.000	
2	Tuyên truyền trên sóng PTTH tỉnh, tuyên truyền lưu động, thôn bản; in ấn tài liệu, thi tìm hiểu về bảo vệ rừng...		5.000.000		2.000.000	2.500.000	2.500.000	5.000.000					3.000.000	10.000.000	30.000.000	
3	Hỗ trợ cước điện thoại		3.000.000										2.000.000		5.000.000	
4	Thực kiểm tra, báo cáo, thông báo cháy hàng ngày (chi phí làm thêm giờ)	100.000.000	72.000.000	43.200.000	18.000.000	43.200.000	54.000.000	64.800.000	54.000.000	76.032.000	72.000.000	57.600.000	90.000.000	72.000.000	817.000.000	
5	Rà soát, ý kiến các phương án PCCCR (công ngoài giờ làm việc; kiểm tra xác minh)	60.000.000													60.000.000	
6	Khai thác, kiểm tra điểm cháy rừng từ vệ tinh trên trang Cục Kiểm lâm và cập nhật thông tin về PCCCR trên trang Webside của Chi cục Kiểm lâm	40.000.000													40.000.000	
7	Theo dõi, thông kê và thông báo cấp cấp dự báo cháy rừng đến từng địa phương	40.000.000													40.000.000	
8	Tập huấn xây dựng PA PCCCR cho chủ rừng và Kiểm lâm	13.200.000													13.000.000	
9	Thuê tên miền và lưu trữ dữ liệu Website về PCCCR, cập nhật thông tin BVR,PCCR trên Website CCKL	33.000.000													33.000.000	
10	Sửa chữa xe máy			6.600.000		6.000.000	6.000.000	4.200.000		6.000.000	14.400.000		6.000.000	6.000.000	55.000.000	
11	Nhiên liệu điều hành, tuần tra, chữa cháy rừng	290.615.000	40.296.000	37.815.000	11.134.000	25.210.000	37.065.000	29.652.000	46.959.000	28.763.600	37.815.000	60.385.000	58.525.000	43.810.000	748.000.000	
12	Dự kiến công huy động chữa cháy	67.600.000	33.800.000	16.900.000	16.900.000	6.760.000	16.900.000	16.900.000	27.040.000	6.760.000	10.140.000	16.900.000	50.700.000	16.900.000	304.000.000	
13	Mua sắm, sửa chữa máy móc, dụng cụ, phương tiện, trang thiết bị phục vụ PCCCR	158.585.000											2.400.000	1.150.000	162.000.000	
14	Làm mới lán canh lửa tạm thời			8.940.000		10.728.000	8.940.000	6.258.000	9.834.000	5.364.000	2.682.000		4.470.000		57.000.000	
15	Rà soát trọng điểm cháy rừng và xây dựng bản đồ số phân vùng trọng điểm cháy	40.000.000													40.000.000	
16	Sửa chữa chòi canh lửa cố định										8.840.000				9.000.000	
17	Sơn sửa bảng nội quy bằng xi măng, bảng tuyên truyền có hình ảnh, bảng cấp báo cháy...					4.470.000	4.470.000	7.152.000	7.152.000		7.152.000				30.000.000	
18	Xây mới bảng nội quy bằng xi măng, bảng cấp báo cháy								8.971.000		8.971.000				18.000.000	
19	Làm giảm VLC rừng trồng giai đoạn II		371.144.620	838.093.240	507.335.400	549.651.960	1.483.138.800	92.715.480	512.123.040	500.612.200	255.340.800				5.110.000.000	
20	Làm giảm VLC rừng cảnh quan		387.118.080	134.553.600	92.436.480					21.637.260					636.000.000	
21	Làm đường ranh canh lửa														-	
22	Khoản PCCCR 5 tháng mùa khô					26.696.510						5.532.000	24.313.140		57.000.000	
23	Chi phí dự phòng (tạm tính bằng 10% chi phí thực hiện các nội dung công việc)	4.000.000	75.826.270	98.158.684	59.977.188	59.154.647	149.654.880	10.612.548	53.808.004	52.761.346	28.298.580	553.200	2.878.314	-	596.000.000	
	TỔNG CỘNG	850.000.000	997.000.000	1.189.000.000	711.000.000	748.000.000	1.775.000.000	246.000.000	727.000.000	704.000.000	452.000.000	141.000.000	275.000.000	150.000.000	8.965.000.000	